

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM. (5,0 điểm) Em chọn một phương án trả lời của mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 15) và ghi vào giấy bài làm - Ví dụ: Câu 1 em chọn phương án A, ghi là 1.A.

Câu 1. Tử số của phân số $\frac{3}{-7}$ là

A. -3.

B. 7.

C. 3.

D. -7.

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{-4}{5}$ là

A. $\frac{4}{5}$.

B. $-\frac{4}{5}$.

C. $-\frac{5}{4}$.

D. $\frac{5}{4}$.

Câu 3. Viết hỗn số $5\frac{2}{3}$ về dạng phân số là

A. $\frac{7}{3}$.

B. $\frac{10}{3}$.

C. $\frac{13}{3}$.

D. $\frac{17}{3}$.

Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân âm?

A. -3,2.

B. 3,2.

C. $\frac{-3}{2}$.

D. $\frac{-3}{-2}$.

Câu 5. Làm tròn số 52,069 5 đến hàng phần trăm ta được kết quả là

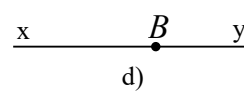
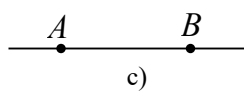
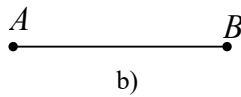
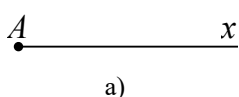
A. 52,06.

B. 52,07.

C. 52,08.

D. 52,09.

Câu 6. Trong các hình a, b, c, d dưới đây, hình nào là một tia?



A. b).

B. d).

C. c).

D. a).

Câu 7. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng AB. Nếu AB = 6 cm thì độ dài đoạn thẳng IB bằng

A. 2 cm.

B. 3 cm.

C. 4 cm.

D. 12 cm.

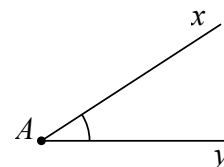
Câu 8. Viết tên góc ở hình vẽ bên bằng kí hiệu.

A. $\widehat{Axy}$.

B. $\widehat{xyA}$.

C. $\widehat{xAy}$.

D. $\widehat{xy}$.



Câu 9. Dữ liệu nào **không** hợp lý trong dãy dữ liệu sau?

Tên một số loài động vật ăn cỏ : Trâu, bò, hổ, dê, ngựa, nai.

A. Ngựa.

B. Bò.

C. Hổ.

D. Dê.

Câu 10. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào **không** phải là số?

A. Quốc tịch của các học sinh trong một trường quốc tế.

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số ca mắc mới Covid-19 trong một ngày của 63 tỉnh thành nước ta.

Câu 11. Bảng thống kê về cân nặng (theo đơn vị kilogam) của 15 học sinh lớp 6 như sau:

Cân nặng (kg)	39	40	41	42	43	45
Số học sinh	1	4	3	4	1	2

Theo bảng thống kê trên thì số học sinh nặng 45 kilogam là

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 12. Biểu đồ tranh ở bên cho biết món ăn sáng yêu thích của các bạn trong lớp. Có bao nhiêu bạn trong lớp thích món bánh mì?

- A. 4.
C. 5.

- B. 20.
D. 25.

Phở	☺☺
Bánh mì	☺☺☺☺☺
Bún	☺
Xôi	☺☺

(Mỗi ☺ ứng với 5 bạn)

Câu 13. Tung đồng xu một lần. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu?

- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 14. Gieo một con xúc xắc sáu mặt 13 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt hai chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt hai chấm là

- A. $\frac{7}{13}$. B. $\frac{2}{7}$. C. $\frac{2}{13}$. D. $\frac{9}{13}$.

Câu 15. Tung hai đồng xu cân đối và đồng chất 20 lần ta được kết quả như bảng dưới đây:

Sự kiện	Hai mặt sấp	Một mặt sấp, một mặt ngửa	Hai mặt ngửa
Số lần	5	12	3

Xác suất thực nghiệm xuất hiện sự kiện một mặt sấp, một mặt ngửa là

- A. $\frac{1}{4}$. B. $\frac{3}{5}$. C. $\frac{3}{20}$. D. $\frac{2}{5}$.

II. TỰ LUẬN. (5,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

a) Tính: $A = \frac{3}{8} + \frac{1}{8}$;

b) Tính giá trị biểu thức: $B = 23,7 - 6,8 \cdot 4$;

c) Nhân dịp sinh nhật của bạn Quảng, Nam xin phép mẹ mua một món đồ chơi để tặng bạn. Món đồ chơi đó có giá niêm yết là 50 000 đồng và được giảm giá 10%. Hỏi Nam phải trả bao nhiêu tiền để mua món đồ chơi đó?

Bài 2. (1,0 điểm)

Cho điểm O nằm trên đường thẳng xy. Gọi M là điểm nằm trên tia Ox và cách O một khoảng bằng 2 cm. Gọi N là điểm nằm trên tia Oy và cách O một khoảng bằng 3 cm.

Vẽ hình và tính độ dài đoạn thẳng MN.

Bài 3. (2,5 điểm)

a) Cho bảng thống kê sau:

Thể loại phim	Hành động	Khoa học viễn tưởng	Hoạt hình	Hài
Số lượng bạn yêu thích.	6	5	12	8

Hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng thống kê trên.

b) Trong một hộp có một số bút bi xanh và một số bút bi đỏ. Lấy ngẫu nhiên một chiếc bút từ hộp xem màu rồi trả lại vào hộp. Lặp lại hoạt động trên 60 lần, ta được kết quả như sau:

Loại bút	Bút bi xanh	Bút bi đỏ
Số lần	48	12

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi xanh. Em hãy dự đoán xem trong hộp có loại bút bi nào nhiều hơn?

----- Hết -----

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM. (5,0 điểm) Em chọn một phương án trả lời của mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 15) và ghi vào giấy bài làm - Ví dụ: Câu 1 em chọn phương án A, ghi là 1.A.

Câu 1. Mẫu số của phân số $\frac{3}{-7}$ là

A. -3.

B. 7.

C. 3.

D. -7.

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{4}{5}$ là

A. $\frac{4}{5}$.

B. $-\frac{4}{5}$.

C. $-\frac{5}{4}$.

D. $\frac{5}{4}$.

Câu 3. Viết hỗn số $2\frac{3}{5}$ về dạng phân số là

A. $\frac{6}{5}$.

B. $\frac{5}{5}$.

C. $\frac{13}{5}$.

D. $\frac{11}{5}$.

Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân âm?

A. 2,5.

B. -2,5.

C. $-\frac{2}{5}$.

D. $-\frac{2}{-5}$.

Câu 5. Làm tròn số 25,076 9 đến hàng phần trăm ta được kết quả là

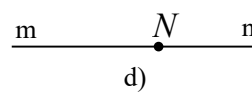
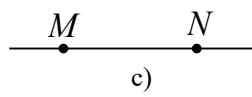
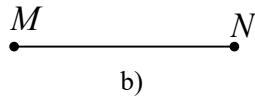
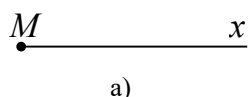
A. 25,08.

B. 25,07.

C. 25,06.

D. 25,09.

Câu 6. Trong các hình a, b, c, d dưới đây, hình nào là một đoạn thẳng?



A. d).

B. a).

C. b).

D. c).

Câu 7. Gọi K là trung điểm của đoạn thẳng CD. Nếu CD = 12 cm thì độ dài đoạn thẳng KC bằng

A. 6 cm.

B. 4 cm.

C. 8 cm.

D. 24 cm.

Câu 8. Viết tên góc ở hình vẽ bên bằng kí hiệu.

A. $\widehat{ztB}$.

B. $\widehat{Bzt}$.

C. $\widehat{zt}$.

D. $\widehat{zBt}$.

Câu 9. Dữ liệu nào **không** hợp lý trong dãy dữ liệu sau?

Tên một số loài động vật ăn thịt : Sư tử, hổ, bò, rắn, chó sói.

A. Chó sói.

B. Bò.

C. Hổ.

D. Rắn.

Câu 10. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là số?

A. Quốc tịch của các học sinh trong một trường quốc tế.

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Môn thể thao yêu thích của các bạn học sinh.

D. Tên các loài thực vật sống dưới nước.

Câu 11. Bảng thống kê về cân nặng (theo đơn vị kilogram) của 15 học sinh lớp 6 như sau:

Cân nặng (kg)	39	40	41	42	43	45
Số học sinh	1	4	3	4	1	2

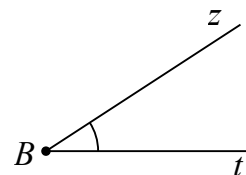
Theo bảng thống kê trên thì số học sinh nặng 41 kilogram là

A. 1.

B. 4.

C. 2.

D. 3.



Câu 12. Biểu đồ tranh ở bên cho biết món ăn sáng yêu thích của các bạn trong lớp. Có bao nhiêu bạn trong lớp thích món xôi?

- A. 10.
C. 8.

- B. 2.
D. 7.

Phở	☺☺
Bánh mì	☺☺☺☺
Bún	☺
Xôi	☺☺

(Mỗi ☺ ứng với 5 bạn)

Câu 13. Tung đồng xu một lần. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 14. Gieo một con xúc xắc sáu mặt 15 lần liên tiếp, có 8 lần xuất hiện mặt ba chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ba chấm là

- A. $\frac{3}{15}$. B. $\frac{11}{15}$. C. $\frac{8}{15}$. D. $\frac{3}{8}$.

Câu 15. Tung hai đồng xu cân đối và đồng chất 30 lần ta được kết quả như bảng dưới đây:

Sự kiện	Hai mặt sấp	Một mặt sấp, một mặt ngửa	Hai mặt ngửa
Số lần	6	14	10

Xác suất thực nghiệm xuất hiện sự kiện hai mặt sấp là

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{7}{15}$. C. $\frac{4}{5}$. D. $\frac{1}{5}$.

II. TỰ LUẬN. (5,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

a) Tính: $M = \frac{3}{8} - \frac{1}{8}$;

b) Tính giá trị biểu thức: $N = -31,3 + 4,6 \cdot 6$;

c) Nhân dịp sinh nhật của bạn Nam, Quảng xin phép mẹ mua một món đồ chơi để tặng bạn. Món đồ chơi đó có giá niêm yết là 60 000 đồng và được giảm giá 20%. Hỏi Quảng phải trả bao nhiêu tiền để mua món đồ chơi đó?

Bài 2. (1,0 điểm)

Cho điểm O nằm trên đường thẳng xy. Gọi P là điểm nằm trên tia Ox và cách O một khoảng bằng 3 cm. Gọi Q là điểm nằm trên tia Oy và cách O một khoảng bằng 2 cm.

Vẽ hình và tính độ dài đoạn thẳng PQ.

Bài 3. (2,5 điểm)

a) Cho bảng thống kê sau:

Môn thể thao	Bóng đá	Cầu lông	Bóng chuyền	Bơi lội
Số lượng bạn yêu thích.	12	6	10	7

Hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng thống kê trên;

b) Trong một hộp có một số bút bi xanh và một số bút bi đỏ. Lấy ngẫu nhiên một chiếc bút từ hộp xem màu rồi trả lại vào hộp. Lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả như sau:

Loại bút	Bút bi xanh	Bút bi đỏ
Số lần	32	18

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi đỏ. Em hãy dự đoán xem trong hộp có loại bút bi nào ít hơn?

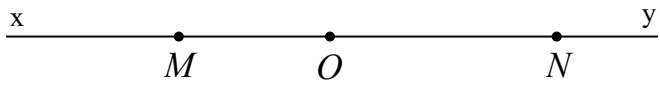
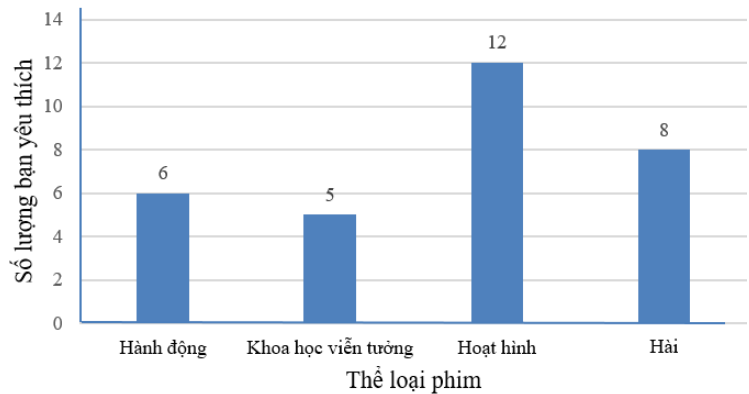
----- Hết -----

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM. (5,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 1/3 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ/án	C	A	D	A	B	D	B	C	C	A	C	B	D	A	B

II. TỰ LUẬN. (5,0 điểm)

Bài	Lời giải vắn tắt	Điểm
1a (0,5đ)	$A = \frac{3}{8} + \frac{1}{8} = \frac{4}{8} = \frac{1}{2}$.	0,5
1b (0,5đ)	$B = 23,7 - 6,8 \cdot 4 = 23,7 - 27,2 = -3,5$	0,5
1c (0,5đ)	Số tiền được giảm giá là: $50\,000 \cdot \frac{10}{100} = 5000$ (đồng) Số tiền Nam phải trả là: $50\,000 - 5000 = 45\,000$ (đồng)	0,25 0,25
2 (1,0đ)	 Theo hình vẽ, ta có $MN = MO + ON = 2 + 3 = 5$ (cm).	0,5 0,5
3a (1,5đ)	Sở thích xem phim  - Vẽ được trục ngang biểu diễn các loại phim yêu thích và trục đứng biểu diễn số lượng bạn yêu thích. - Với mỗi thể loại phim trên trục ngang, vẽ được hình chữ nhật có chiều cao bằng số lượng bạn yêu thích (chiều rộng các hình chữ nhật bằng nhau).	0,5 1,0
3b (1,0đ)	Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi xanh là: $\frac{48}{60} = \frac{4}{5}$. Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi đỏ là: $\frac{12}{60} = \frac{1}{5}$. Vì $\frac{4}{5} > \frac{1}{5}$ nên ta có dự đoán trong hộp có loại bút bi xanh nhiều hơn bút bi đỏ.	0,5 0,25 0,25

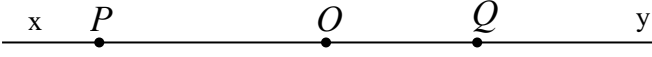
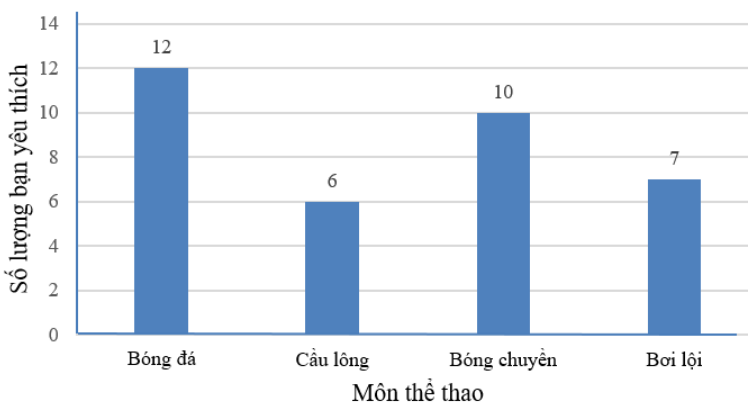
Lưu ý:

- Học sinh có thể giải cách khác nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.
- Cách tính điểm toàn bài = (Số câu TN đúng $\times$ 1/3) + điểm TL (làm tròn 1 chữ số thập phân).
- Dựa vào hướng dẫn chấm trên, các tổ (nhóm) bộ môn cần tổ chức thảo luận thống nhất biểu điểm từng câu, từng ý trước khi thực hiện chấm bài.

I. TRẮC NGHIỆM. (5,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 1/3 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ/án	D	B	C	B	A	C	A	D	B	B	D	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN. (5,0 điểm)

Bài	Lời giải vắn tắt	Điểm
1a (0,5đ)	$M = \frac{3}{8} - \frac{1}{8} = \frac{2}{8} = \frac{1}{4}$.	0,5
1b (0,5đ)	$N = -31,3 + 4,6 \cdot 6 = -31,3 + 27,6 = -3,7$	0,5
1c (0,5đ)	Số tiền được giảm giá là: $60\,000 \cdot \frac{20}{100} = 12\,000$ (đồng)	0,25
	Số tiền Quảng phải trả là: $60\,000 - 12\,000 = 48\,000$ (đồng)	0,25
2 (1,0đ)	 Theo hình vẽ, ta có $PQ = PO + OQ = 3 + 2 = 5$ (cm).	0,5
3a (1,5đ)	Sở thích thể thao  - Vẽ được trục ngang biểu diễn các loại môn thể thao yêu thích và trục đứng biểu diễn số lượng bạn yêu thích. - Với mỗi môn thể thao trên trục ngang, vẽ được hình chữ nhật có chiều cao bằng số lượng bạn yêu thích (chiều rộng các hình chữ nhật bằng nhau).	0,5
3b (1,0đ)	Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi đỏ là: $\frac{18}{50} = \frac{9}{25}$. Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi xanh là: $\frac{32}{50} = \frac{16}{25}$. Vì $\frac{9}{25} < \frac{16}{25}$ nên ta có dự đoán trong hộp có loại bút bi đỏ ít hơn bút bi xanh.	0,5
		0,25
		0,25

Lưu ý:

1) Học sinh có thể giải cách khác nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.

2) Cách tính điểm toàn bài = (Số câu TN đúng x 1/3) + điểm TL (làm tròn 1 chữ số thập phân).

3) Dựa vào hướng dẫn chấm trên, các tổ (nhóm) bộ môn cần tổ chức thảo luận thống nhất biểu điểm từng câu, từng ý trước khi thực hiện chấm bài.